

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025

Giai đoạn 2011 - 2020, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, lần thứ XVIII và Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2011-2020, các sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh đã có nhiều nỗ lực trong triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, với những giải pháp đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, đã đạt được một số kết quả nhất định về: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính.

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các quan điểm, định hướng chiến lược, mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP của Chính phủ và Chỉ thị số 23/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Yêu cầu

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương nhận thức đầy đủ, xác định công tác CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC; đảm bảo nâng cao năng lực, kỹ năng thực thi công vụ, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp.

c) Kế thừa và phát huy những kết quả đạt được trong CCHC giai đoạn vừa qua; chủ động nghiên cứu, sáng tạo, quyết liệt áp dụng những giải pháp mới để CCHC là khâu đột phá trong quản lý hành chính nhà nước.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu

Từ năm 2021, hằng năm kết quả Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin (ICT INDEX) nằm trong nhóm 20 địa phương dẫn đầu cả nước, điểm chỉ số năm sau cao hơn năm trước. Nâng dần vị trí xếp hạng PCI của tỉnh mỗi năm tăng từ 2 đến 5 bậc. Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm sau cao hơn năm trước.

a) Cải cách thể chế:

Hằng năm:

- 100% các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) do cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã ban hành đảm bảo trình tự, thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương;

- 100% các văn bản QPPL về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức và người dân;

- 100% văn bản QPPL còn hiệu lực thi hành được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

- 100% các quyết định của UBND tỉnh được kiểm tra ngay sau khi được ban hành.

b) Cải cách thủ tục hành chính (TTHC):

- Hằng năm, trên 95% số hồ sơ TTHC được trả kết quả giải quyết đúng hạn; phân đầu 80% hồ sơ TTHC trả kết quả trước hạn;

- Năm 2021, hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng 30%, 20%, 15%. Giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% cho đến khi đạt 100%.

- Đến năm 2025:

- + Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử;

- + 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên;

- + 100% TTHC có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% TTHC được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt 100%;

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%;

+ 90% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

+ 100% hồ sơ TTHC phát sinh giữa các cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện được thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và bưu chính công ích.

+ 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

+ 100% hồ sơ TTHC giải quyết ở cả 3 cấp chính quyền được cập nhật trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh.

c) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

Đến năm 2025:

- Giảm tối thiểu 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021. Mỗi năm đảm bảo giảm tối thiểu 2,5% so với năm 2021.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

d) Cải cách chế độ công vụ:

Đến năm 2025:

- Triển khai thực hiện, sắp xếp cơ cấu công chức, viên chức đúng theo Danh mục vị trí việc làm được phê duyệt tại 100% các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từ cấp tỉnh đến cấp huyện.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thực hiện trao đổi hoàn toàn lượng công việc trên môi trường mạng.

- 15% - 25% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương; trên 20% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương; 70% số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

đ) Cải cách tài chính công:

Đến năm 2025:

- Có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên. Mức độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp được giao tự chủ một phần chi thường xuyên đảm bảo tăng dần hàng năm.

- 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

e) Xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

Đến năm 2025:

- 100% cuộc họp của cấp tỉnh và 80% cuộc họp cấp huyện được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc tại các cuộc họp của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

- 90% hồ sơ công việc tại tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- 80% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại.

- Hệ thống báo cáo của tỉnh được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Về cải cách thể chế

a) Nâng cao chất lượng công tác tham mưu, xây dựng văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát các văn bản QPPL để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, cụ thể, khả thi.

c) Tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm. Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.

d) Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

2.2. Về cải cách thủ tục hành chính

a) Tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền; trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.

b) Triển khai Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC thực hiện không hiệu quả (không có hồ sơ phát sinh hoặc là rào cản, tốn kém chi phí của người dân, doanh nghiệp,...).

d) Rà soát, tái cấu trúc quy trình, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai, kết quả giải quyết TTHC để tạo điều kiện nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

đ) Công bố TTHC và quy trình nội bộ giải quyết TTHC của các cấp; bảo đảm thực hiện công bố, công khai kịp thời, đầy đủ, cụ thể các quy định về TTHC để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận, thực hiện và giám sát việc thực hiện TTHC. Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng thông tin điện tử, Công dịch vụ công của đơn vị và của tỉnh. Thông báo cho người dân đến lấy kết quả ngay sau khi có kết quả quyết hồ sơ TTHC trước hạn.

e) Đề ra các giải pháp, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân, doanh nghiệp tham gia và sử dụng dịch vụ công trực tuyến do các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh cung cấp; khuyến khích người dân, doanh nghiệp thanh toán không dùng tiền mặt.

g) Thực hiện việc xin lỗi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức đối với các trường hợp hồ sơ trễ hạn do lỗi của cơ quan hành chính nhà nước và giải thích cụ thể đối với các trường hợp trả lại hồ sơ. Triển khai có hiệu quả việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, TTHC trên Công dịch vụ công Quốc gia; phê bình, kiểm điểm các đơn vị không giải quyết dứt điểm phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức.

h) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá định kỳ, đột xuất và chuyên đề về kết quả thực hiện các nhiệm vụ triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông; kiểm soát TTHC, cải cách TTHC; tổ chức triển khai thực hiện quy trình nội bộ đã được UBND tỉnh phê duyệt; cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

2.3. Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Tiếp tục tổ chức kiện toàn và sắp xếp bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và triển

khai Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để giảm số biên chế cho phù hợp với số biên chế do Chính phủ giao và phù hợp với tình hình của tỉnh; thực hiện việc giao biên chế định kỳ hằng năm phù hợp với vị trí việc làm của từng cơ quan, đơn vị theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo tinh thần các Nghị quyết: số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Mục tiêu đến năm 2025 thực hiện cắt giảm tối thiểu 10% số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các đơn vị sự nghiệp công lập được giao năm 2021; việc cắt giảm biên chế công chức thực hiện khi có hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

đ) Triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

e) Thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện công tác tổ chức bộ máy tại một số cơ quan, đơn vị để kịp thời chấn chỉnh.

2.4. Về cải cách chế độ công vụ

a) Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, giảm số lượng, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

b) Đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức. Hoàn thiện quy định về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; xây dựng và ban hành quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

c) Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm. Thay đổi phương pháp, hình thức tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn, chuyên đề theo xu hướng hiện đại, trực tuyến, tăng cường trải nghiệm thực tế. Nâng cao năng lực, trình độ ngoại ngữ của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cấp lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, đơn vị có hợp tác, làm việc với đối tác quốc tế, doanh nghiệp nước ngoài.

d) Xây dựng và hoàn thiện quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương.

đ) Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động thực thi công vụ như: Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý công

chức, viên chức; trong các kỳ thi tuyển, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức nhằm nâng cao chất lượng, bảo đảm khách quan, công bằng và góp phần phòng, chống tiêu cực.

e) Đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi để tạo chuyên môn mạnh mẽ trong phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài. Triển khai thực hiện quy định về chế độ tiền cử, giới thiệu những người có tài năng để tuyển dụng, bổ nhiệm vào các vị trí trong hoạt động công vụ.

g) Thường xuyên thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân sai phạm.

2.5. Về cải cách tài chính công

a) Tăng cường chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, hiệu quả giải ngân vốn đầu tư công và thực hiện các nhiệm vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước khi có Quyết định cổ phần hóa của cấp có thẩm quyền.

b) Đẩy mạnh cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là các đơn vị sự nghiệp lĩnh vực giáo dục và đào tạo; chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên.

c) Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa: Ban hành các chính sách khuyến khích thành lập đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ); chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên.

d) Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước khi có Quyết định của cấp có thẩm quyền.

đ) Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của pháp luật. Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

2.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025 và Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm

nhìn đến năm 2030, bảo đảm đúng lộ trình, đồng bộ, thống nhất, phát huy hiệu quả, thực chất.

b) Hoàn thành việc kết nối, liên thông Hệ thống thông tin báo cáo, cơ sở dữ liệu có chức năng báo cáo với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

c) Rà soát, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở hợp nhất Công Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

d) Hoàn thiện phần mềm quản lý văn bản điều hành để bảo đảm thông suốt trong việc thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng và các nội dung khác theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

đ) Tăng cường sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến cho các cuộc họp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố và giữa các sở, ban, ngành với huyện thị xã, thành phố.

e) Đảm bảo 100% cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử công vụ để thực hiện trao đổi thông tin, giao dịch hành chính điện tử một cách có hiệu quả trong nội bộ từng cơ quan và giữa các cơ quan nhà nước với nhau.

g) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được đề ra tại Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ theo đúng tiến độ nhằm từng bước đạt được các mục tiêu của Đề án "Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020-2025".

(Nhiệm vụ cụ thể tại các Phụ lục I, II kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh

Tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành; cụ thể như sau:

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương, sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc các cấp và của Nhân dân trong việc thực hiện công tác CCHC.

b) Tổ chức triển khai theo dõi, đánh giá, xác định và công bố Chỉ số CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý công tác CCHC; xây dựng chuyên trang thông tin điện tử về CCHC của tỉnh; duy trì, phát triển và sử dụng có hiệu quả Hệ thống phần mềm chấm điểm chỉ số CCHC đối với các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã.

d) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC gắn với nâng cao chất lượng quản trị và hành chính công; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công, của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân

tham gia vào tiến trình cải cách và giám sát chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

đ) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác CCHC; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, văn hóa giao tiếp với Nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; gắn việc thực hiện công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng.

e) Đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện Kế hoạch CCHC của tỉnh hàng năm và giai đoạn 2021-2025; huy động các nguồn lực phục vụ cho việc thực hiện có hiệu quả công tác CCHC.

g) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng các hình thức phù hợp, có hiệu quả. Tăng cường bồi dưỡng những kiến thức, kỹ năng cần thiết về CCHC cho đội ngũ công chức làm nhiệm vụ CCHC nhằm đáp ứng yêu cầu tham mưu, hướng dẫn triển khai, theo dõi công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh.

h) Thực hiện công bố kết quả đánh giá Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị trong tháng 01 hàng năm, làm căn cứ để đánh giá, xếp loại các tập thể, cá nhân cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Căn cứ kế hoạch của tỉnh và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương, cụ thể hóa chỉ tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn giai đoạn 2021-2025 thành Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch CCHC hàng năm của cơ quan, đơn vị; bố trí kinh phí triển khai thực hiện hàng năm; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, những khâu đột phá, giải pháp chủ yếu và phân công thực hiện; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của UBND tỉnh giao đảm bảo chất lượng, tiến độ, thời gian theo yêu cầu.

b) Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền về Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP của Chính phủ, Chỉ thị số 23/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch này đến cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp.

c) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức đối với công tác CCHC, gắn vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC ở phạm vi cơ quan, đơn vị mình phụ trách.

d) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đồng thời tích cực đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

đ) Lập dự toán ngân sách chi cho công tác CCHC trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức, thực hiện công tác CCHC của UBND các xã, phường, thị trấn theo quy định.

3. Sở Nội vụ

a) Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch hàng năm của tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng yêu cầu, tiến độ; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch hàng năm triển khai thực hiện xác định Chỉ số CCHC áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn; tổ chức khảo sát, đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước.

c) Tham mưu, trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định các biện pháp đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ: công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; phân cấp quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, vị trí việc làm, quản lý công vụ, cán bộ, công chức, viên chức.

đ) Hướng dẫn các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch CCHC; thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Trung ương, của tỉnh và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai công tác thông tin tuyên truyền về CCHC.

g) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện công tác CCHC của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

h) Tham mưu UBND tỉnh tổ chức tổng kết việc thực hiện Kế hoạch CCHC nhà nước của tỉnh hàng năm và giai đoạn 2021-2025. Tham mưu UBND tỉnh khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện CCHC.

4. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách thể chế; theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế. Chủ trì triển khai nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người dân, tổ chức.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách

TTHC; chủ trì, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giúp UBND tỉnh triển khai hoạt động kiểm soát TTHC tại các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn.

6. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách tài chính công; phân cấp QLNN về quản lý ngân sách nhà nước, quản lý nợ công, phí và lệ phí, tài sản công. Chủ trì, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc lập dự toán ngân sách, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC hàng năm đảm bảo theo quy định.

c) Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC của tỉnh theo kế hoạch hàng năm và giai đoạn.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ: xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; phân cấp quản lý nhà nước về phát thanh và truyền hình. Chủ trì, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước về quản lý đầu tư, đầu tư công, đầu tư nước ngoài.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước về quản lý đất đai.

11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước về điện ảnh.

12. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh kết quả thực hiện các nhiệm vụ nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Phối hợp với Sở Nội vụ trong triển khai thực hiện đo lường mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập.

13. Sở Y tế

Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước về khám bệnh, chữa bệnh.

Phối hợp với Sở Nội vụ trong triển khai thực hiện đo lường mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế.

14. Sở Xây dựng

Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng, kiến trúc, quy hoạch, phát triển đô thị.

15. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước về quản lý người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; an toàn, vệ sinh lao động.

16. Báo Hưng Yên, Đài Phát thanh và Truyền Hưng Yên

Xây dựng chuyên trang, chuyên mục về CCHC để tăng cường tuyên truyền các nội dung về CCHC nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về công tác CCHC; phát hiện, biểu dương những điển hình tiên tiến, nhân tố mới, đồng thời đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật, các hiện tượng tiêu cực trong triển khai, thực hiện công tác CCHC; tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về thực hiện CCHC trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. /

Nơi nhận: 

- Bộ Nội vụ;
- Vụ CCHC-Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PT-TH Hưng Yên; Báo Hưng Yên;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Trung tâm PVHCC&KSTTHC;
- CV: HCQT^{Dức};
- Lưu: VT, CVNC^{NH}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Quốc Văn